

HỒ SƠ NĂNG LỰC

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG – DẦU - KHÍ

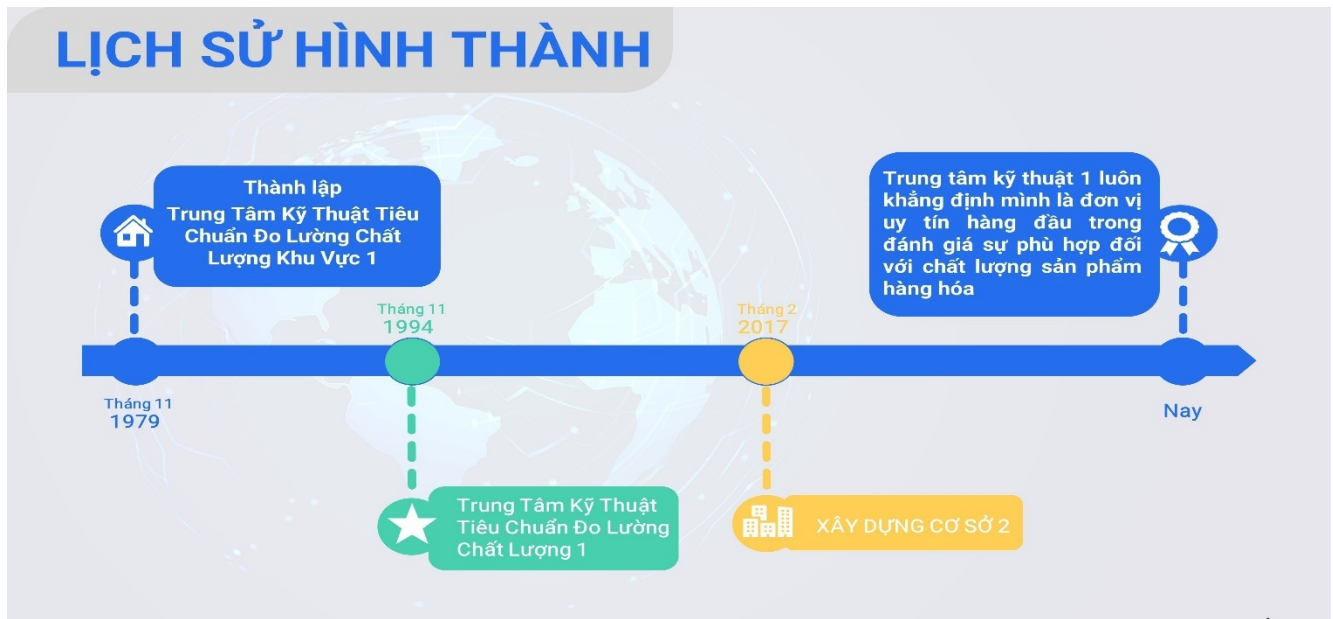
DANH MỤC HỒ SƠ

- ❖ Thông tin chung về Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
- ❖ Chức năng nhiệm vụ
- ❖ Sơ đồ tổ chức
- ❖ Ban Lãnh đạo
- ❖ Chính sách chất lượng/ cam kết cộng đồng
- ❖ Tài liệu pháp lý (tư cách pháp nhân)
- ❖ Danh mục thiết bị chính
- ❖ Danh sách nhân sự
- ❖ Quyết định các bộ ngành
- ❖ Chứng chỉ công nhận

GIỚI THIỆU TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

TÊN TRUNG TÂM	TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
TÊN TIẾNG ANH	QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER NO.1
TÊN VIẾT TẮT	QUATEST1
Thông tin trụ sở chính	Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0243.836.0289 Fax: 0243.836.1199 Email: thitruong@quatest1.com.vn Website: www.quatest1.com.vn
Đăng ký kinh doanh	Số 0100111602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Đăng ký lần đầu ngày: 10/04/2008 Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày: 05/11/2018
Mã số thuế	0100111602
Thông tin cơ sở 2	Địa chỉ: Lô 2-3-6a KCN Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0243.219.1002

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

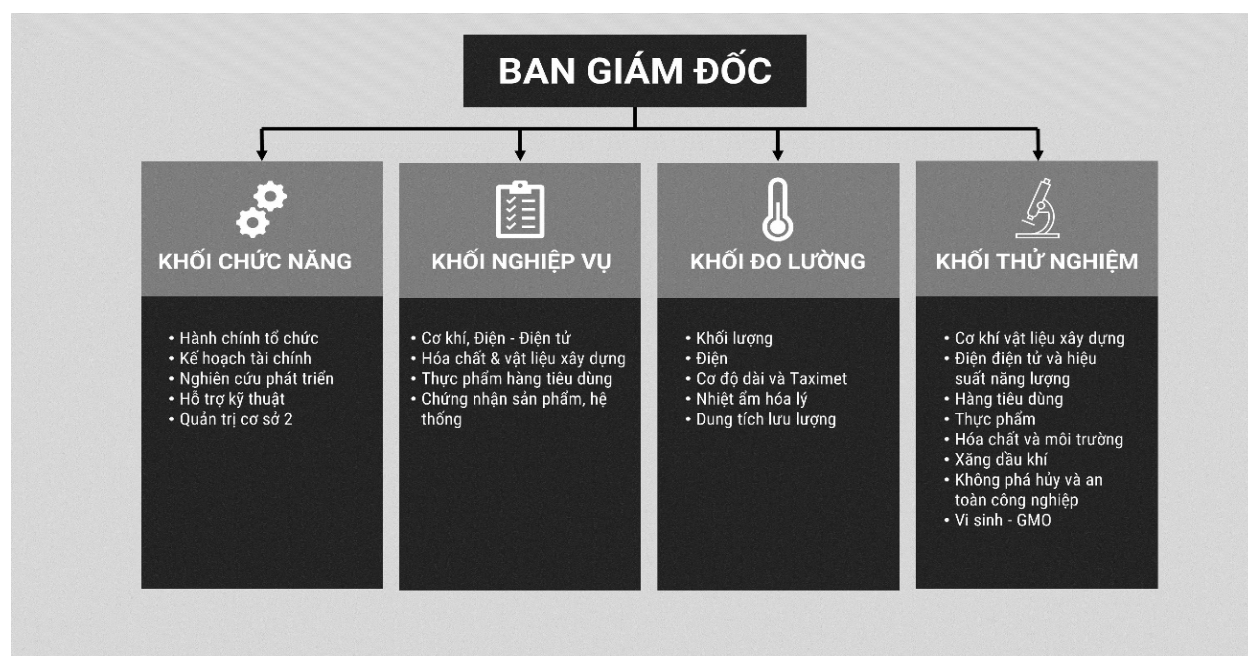


CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Thử nghiệm không phá hủy - NDT, kiểm định an toàn cho các thiết bị, hệ thống có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phê duyệt mẫu phương tiện đo, hiệu chuẩn chuẩn đo lường, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo, theo quy định của pháp luật.
- Thử nghiệm đánh giá chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường.
- Kiểm tra, giám định chất lượng sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất, chất lượng công trình; Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn xây dựng các giải pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ.
- Đánh giá chứng nhận các Hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, giám sát lắp đặt, cung ứng thiết bị, chuyển giao công nghệ.
- Tư vấn lập các dự án đầu tư trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Thông tin về Sơ đồ tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật 1 ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ- TĐC ngày 12 tháng 9 năm 2024 về việc ban hành Điều lệ tạm thời về Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 do Quyền chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia cấp, được trình bày ở sơ đồ dưới đây:



BAN LÃNH ĐẠO

Ban Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 gồm 03 người:

Giám đốc – Ông Kim Đức Thụ

Email: kimducthu@quatest1.com.vn

Phó Giám đốc Phụ trách Khối Thử nghiệm – Ông Nguyễn Ngọc Châm

Email: nguyenngoccham@quatest1.com.vn

Phó Giám đốc Phụ trách Khối Nghiệp vụ - Ông Nguyễn Tuấn Hải

Email: nguyentuanhai@quatest1.com.vn

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG/ CAM KẾT CỘNG ĐỒNG

Hệ thống quản lý chất lượng của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 luôn được cải tiến và duy trì công nhận đối với từng hoạt động cụ thể như sau:

- Hoạt động giám định được công nhận phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17020:2012- Chuẩn mực chung cho các hoạt động của tổ chức tiến hành giám định.
- Hoạt động thí nghiệm (thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn) được công nhận phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 – Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn;
- Hoạt động chứng nhận sản phẩm được công nhận phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17065:2012- Yêu cầu chung đối với các tổ chức chứng nhận sản phẩm.
- Hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý được công nhận phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17021 - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý.

CAM KẾT

- Tất cả các hoạt động dịch vụ của Quatest 1 chỉ hoàn thành khi khách hàng nhận được chứng chỉ hoặc chứng nhận tương đương.
- Để nâng cao chất lượng phục vụ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị hiện đại, coi trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.

TÀI LIỆU PHÁP LÝ (TƯ CÁCH PHÁP NHÂN)

- Quyết định thành lập: Quyết định số 1273/QĐ-TĐC, ngày 05 tháng 11 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ)
- Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy đăng ký kinh doanh mã số 0100111602 (thay đổi lần 3)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KHCN: Số A-502
- Quyết định số 218/QĐ - TĐC, ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
V/v thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng 1

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15-CP ngày 02/03/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 22-CP ngày 22/05/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Xét đề nghị của các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ khoa học;

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 1 (gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) trên cơ sở các phòng Thử nghiệm, các phòng Đo lường và các phòng Nghiệp vụ của Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực 1. Trụ sở đặt tại thành phố Hà nội.
- Điều 2:** Trung tâm Kỹ thuật 1 là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và có con dấu để giao dịch công tác.
- Điều 3:** Trung tâm Kỹ thuật 1 có nhiệm vụ chính sau đây :
1. Tiến hành thử nghiệm, thẩm định, đánh giá, giám định chất lượng hàng hoá và đo lường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cũng như các yêu cầu quản lý nhà nước của các cơ quan Hải quan, Môi trường, Quản lý thị trường, Công nghệ, Tư pháp... Ngoài ra được phép khai thác năng lực đo lường, thử nghiệm để phục vụ các yêu cầu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
 2. Bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường và tiến hành kiểm định chuẩn theo phân cấp của Tổng cục đối với Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh...
 3. Tham gia xây dựng Tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Quốc tế.
 4. Tổ chức công tác thông tin, đào tạo, hợp tác Quốc tế trên địa bàn theo sự phân công của Tổng cục.

5. Quản lý cán bộ, tài sản theo quy định.

Điều 4: Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1 để trình Bộ ký duyệt và ban hành.

Điều 5: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 6: Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ khoa học, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Tổng cục TCĐLCL
- VP Bộ
- Vụ TCCBKH

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Dương Hùng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Mã số: 0100111602

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 04 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 05 tháng 11 năm 2018

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng Việt:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng nước ngoài: QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết tắt: QUATEST1

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.38361399

Fax: 024.38361399

Email: hanhchinh@quatest1.com.vn

Website: www.quatest1.com.vn

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Chi tiết: - Kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo chỉ định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; - Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi được công nhận; - Hiệu chuẩn, kiểm tra và đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo; - Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ phù hợp tiêu chuẩn và các quy chuẩn kỹ thuật; - Thử nghiệm, đánh giá, thẩm định chất lượng, kỹ thuật, vệ sinh, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật liệu, cấu kiện, dự án và công trình theo yêu cầu của các cơ quan quản	7120

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	lý, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân; - Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng hàng hóa, công trình phù hợp tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra hàn không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn; - Kiểm tra an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn;	
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Giám định thương mại - Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, chuyển giao công nghệ và an toàn công nghiệp, tư vấn và đánh giá chất lượng công trình xây dựng theo quy định: quan trắc, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;	7490
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học: Chi tiết: Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các phương tiện đo, thiết bị thử nghiệm, thiết bị kỹ thuật	3313
4.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Chi tiết: Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và các phương tiện đo Tổ chức thực hiện, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ	7210
5.	Giáo dục nghề nghiệp: Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, các hệ thống quản lý, công cụ quản lý chất lượng và các nội dung có liên quan khác (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép)	8532

4. Tổng giá trị tài sản được giao quản lý và sử dụng tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp: 24.486.372.888 đồng

Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm tám mươi tám đồng.

5. Tên cơ quan chủ quản: TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ:

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: **KIM ĐỨC THỤ** Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/05/1966* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Căn cước công dân*

Số: *026066002265* Ngày cấp: *13/8/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.*



TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Kim Tuyền



QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định khi Giấy chứng nhận bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày 07/9/1995 (số đăng ký: 417)

Đăng ký lần hai, ngày 03/5/2006 (A-502); Đăng ký lần ba, ngày 20/4/2010

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Quality Assurance and Testing Center 1

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: QUATEST 1

Trụ sở chính:

Số 8, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tổng số vốn: 6.863.898.293 đồng

Cơ quan quyết định thành lập:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Quyết định số: 489/QĐ-BKHCN ngày 27/3/2024

(trước đây theo Quyết định số: 1373/QĐ ngày 05/11/1994)

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Kim Đức Thụ

CCCD số: 026066002265

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày cấp: 10/4/2021

SỐ ĐĂNG KÝ: A - 502

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

- Nghiên cứu khoa học và thực hiện các chương trình, đề tài trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và phương tiện đo.

- Dịch vụ KH&CN: Đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, hệ thống; Kiểm định hiệu chuẩn, thử nghiệm các phương tiện đo, chuẩn đo lường; Thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm nghiệm kèm chứng, đánh giá chất lượng an toàn các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm; Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm đánh giá tác động và thực trạng môi trường; Giám định, kiểm định, đánh giá chất lượng, an toàn và kỹ thuật an toàn, môi trường đối với sản phẩm hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây truyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn; Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về: tiêu chuẩn, chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ; Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị; Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ; Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm hàng hóa dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy, kỹ năng thợ hàn; Tư vấn quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường; Thực hiện chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật mã số, mã vạch và các công nghệ nhận dạng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức và cá nhân.

- Hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Lê Xuân Định

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1
ĐẾN Số: 1198T
Ngày: 13/9/24
Chuyên: ...
Số và ký hiệu HS: ...

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 218 /QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tạm thời về Tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1**

CHỦ TỊCH

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Quyết định số 1188/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành kèm Quyết định số 489/QĐ-BKHCN ngày 27/3/2024;

Căn cứ Quyết định số 2296/QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 1;

Thực hiện Kết luận số 96-KL/BCSD ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ban Cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Theo Nghị quyết số 566-NQ/ĐUTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Đảng ủy cơ quan Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ và Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tạm thời về Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 trực thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB.



CHỦ TỊCH

Minh Hiệp

ĐIỀU LỆ TẠM THỜI
Về Tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
(Ban hành kèm theo Quyết định số 218 /QĐ-TĐC ngày 12 tháng 09 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)

Chương I
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (sau đây gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trực thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (sau đây gọi tắt là Ủy ban) có chức năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ quản lý Nhà nước và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển và tăng cường năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ.

2. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tên giao dịch quốc tế là Quality Assurance and Testing Center 1 (viết tắt là QUATEST1).

3. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

4. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trụ sở chính tại số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Các phòng Thí nghiệm tại Lô 2-3-6A khu Công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển và hoạt động dài hạn, hàng năm của Trung tâm Kỹ thuật 1.

2. Đề xuất, phối hợp tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản kỹ thuật liên quan; Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Ủy ban để cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu và theo chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban; cung

cấp nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, thẩm định, đánh giá năng lực hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực (Chứng nhận, giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, hệ thống) theo yêu cầu hoặc chỉ định của các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, xây dựng và triển khai các phương pháp, quy trình: thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, giám định, phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa.

5. Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn, chất chuẩn, mẫu thử, phương tiện đo, trang thiết bị đo lường, thử nghiệm và các phương tiện, thiết bị phục vụ đo lường, thử nghiệm, giám định, lấy mẫu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo quy định của pháp luật.

7. Thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm nghiệm kiểm chứng, đánh giá chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm. Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường.

8. Giám định, kiểm định, đánh giá chất lượng, an toàn và kỹ thuật an toàn, môi trường đối với sản phẩm hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ, công trình xây dựng, an toàn thực phẩm. Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn xây dựng các giải pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất.

9. Đánh giá chứng nhận các Hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thẩm định và xác nhận sự phù hợp; chứng nhận/thẩm định báo cáo khí nhà kính và định lượng dấu vết carbon theo quy định của pháp luật.

10. Kiểm tra chấp nhận quy trình hàn, thợ hàn theo tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn quốc tế.

11. Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động: Các loại máy, thiết bị, hệ thống thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; lắp đặt dây chuyền, công nghệ.

12. Chủ trì, phối hợp với đơn vị đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về thống kê số liệu, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; thực hiện chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật mã số, mã vạch và các công nghệ nhận dạng sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của tổ chức và cá nhân;

cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, giám sát lắp đặt, cung ứng thiết bị, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng, và nghiệm thu kỹ thuật đối với các phương tiện đo, thiết bị đo lường, thử nghiệm. Tư vấn lập các dự án đầu tư trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.

13. Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

14. Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận về: tiêu chuẩn, chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ; đào tạo kiểm định viên và hiệu chuẩn viên đo lường; đào tạo lĩnh vực thử nghiệm Không phá hủy (NDT), đào tạo giám định viên, đào tạo thử nghiệm viên các kỹ thuật về thử nghiệm và các nội dung đào tạo khác có liên quan theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân và theo quy định của pháp luật.

15. Đào tạo, hướng dẫn xây dựng và áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, các công cụ quản lý tiên tiến chất lượng, năng suất, tiết kiệm năng lượng, kiểm kê khí nhà kính, dấu vết carbon và các giải pháp kỹ thuật, công nghệ phục vụ mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia về năng suất, chất lượng theo yêu cầu của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật. Hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các dịch vụ khoa học công nghệ, để đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật tại doanh nghiệp.

16. Nghiên cứu phương hướng mục tiêu, chính sách, biện pháp, xây dựng hỗ trợ kỹ thuật, thúc đẩy công tác đảm bảo đo lường đối với các doanh nghiệp; Tư vấn nâng cao kỹ thuật, công nghệ, năng suất chất lượng trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

17. Tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc các phòng thử nghiệm trong và ngoài nước.

18. Đầu tư phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

19. Tổ chức đoàn ra, đoàn vào trong khuôn khổ các nhiệm vụ, chương trình, dự án của Trung tâm và theo chỉ đạo của Ủy ban; quyết định mời hoặc thuê chuyên gia nước ngoài vào làm việc và cử viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động của Trung tâm đi công tác, học tập và làm việc ở nước ngoài theo phân cấp của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban và theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền, xúc tiến, quảng bá các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ của Trung tâm.

21. Hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước về các nội dung liên quan đến hoạt động của Trung tâm theo quy định của Ủy ban và của pháp luật.

22. Phối hợp cung cấp thông tin liên quan tới quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp cho Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp Quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Văn phòng TBT Việt Nam) để xem xét và phối hợp thực hiện nghĩa vụ minh bạch hóa về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) trong các cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) mà Việt Nam là thành viên.

23. Quản lý viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, hồ sơ, tài chính, tài sản và tài liệu của Trung tâm theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

24. Quyết định nhân sự đi công tác nước ngoài theo thẩm quyền quản lý (trừ Lãnh đạo đơn vị) sau khi Lãnh đạo Ủy ban phê duyệt thành phần.

25. Ký thừa lệnh, ký thừa ủy quyền Chủ tịch Ủy ban để thực hiện các nhiệm vụ được giao thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban theo quy định của pháp luật.

26. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban giao.

Chương II **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

Điều 3. Lãnh đạo Trung tâm Kỹ thuật 1

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Chủ tịch Ủy ban bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban và trước pháp luật về toàn bộ tổ chức hoạt động của Trung tâm.

3. Các Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và giúp Giám đốc phụ trách các công việc theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công. Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Chủ tịch Ủy ban bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

4. Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban và trước pháp luật về việc điều hành của mình, sau đó báo cáo Giám đốc.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Hành chính - Tổ chức (Phòng HCTC).
2. Phòng Kế hoạch - Tài chính (Phòng KHTC).
3. Phòng Quản trị Kỹ thuật (Phòng QTKT).
4. Phòng Đảm bảo Chất lượng và Dịch vụ Khách hàng (Phòng QA).
5. Phòng Nghiệp vụ Cơ khí, Điện, Điện tử (Phòng NV1).
6. Phòng Nghiệp vụ Hoá chất, Vật liệu xây dựng (Phòng NV2).
7. Phòng Nghiệp vụ Thực phẩm, Hàng tiêu dùng (Phòng NV3).
8. Phòng Chứng nhận (Phòng NV4).
9. Phòng Thử nghiệm Cơ khí và Vật liệu xây dựng (Phòng TN1).
10. Phòng Thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất năng lượng (Phòng TN2).
11. Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng (Phòng TN3).
12. Phòng Thử nghiệm Thực phẩm (Phòng TN4).
13. Phòng Thử nghiệm Môi trường và Hoá chất (Phòng TN5).
14. Phòng Thử nghiệm Xăng, Dầu, Khí (Phòng TN6).
15. Phòng Thử nghiệm Không phá huỷ và An toàn công nghiệp (Phòng TN7).
16. Phòng Thử nghiệm Vi sinh và GMO (Phòng TN8).
17. Phòng Đo lường Khối lượng (Phòng ĐL1).
18. Phòng Đo lường Điện (Phòng ĐL2).
19. Phòng Đo lường Cơ và Độ dài (Phòng ĐL3).
20. Phòng Đo lường Nhiệt, Âm và Thiết bị Y tế (Phòng ĐL4).
21. Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng (Phòng ĐL5).
22. Phòng Đo lường Hóa lý (Phòng ĐL6).

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 được thành lập Hội đồng Khoa học để tư vấn cho Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo của Trung tâm. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 quy định.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trung tâm. Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 và Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Trung tâm theo quy định về phân cấp quản lý viên chức của Ủy ban và theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhân lực

1. Viên chức.
2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.
3. Đội ngũ cộng tác viên.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động, hợp đồng cộng tác viên theo quy định của pháp luật và khả năng tài chính của Trung tâm.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 làm việc theo chế độ thủ trưởng.
2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.
3. Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với các đơn vị thuộc Ủy ban theo quy chế làm việc của Ủy ban và các quy định khác có liên quan.
4. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Ủy ban có liên quan theo quy định trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 7. Nguồn thu

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp.
3. Nguồn thu phí được để lại để chi theo quy định của pháp luật.
4. Nguồn vốn vay; vốn viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
5. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Các khoản chi

1. Chi tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương.
2. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý.
3. Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt theo quy định của pháp luật.
4. Chi thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật phí.
5. Chi thực hiện các hoạt động sự nghiệp.

6. Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.
7. Chi trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).
8. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý tài chính, tài sản

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 được áp dụng cơ chế quản lý tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.
2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, tài sản của Trung tâm; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; trích lập các quỹ và thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và các công việc theo quy định tại Quyết định số 1188/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành kèm Quyết định số 489/QĐ-BKHCN ngày 27/3/2024.
2. Tiếp nhận những chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 1 theo Quyết định số 2296/QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 1.
3. Các đơn vị trực thuộc Trung tâm Kỹ thuật 1 tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao cho đến khi Trung tâm Kỹ thuật 1 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ mới đối với các đơn vị trực thuộc theo quy định tại Điều 4 Điều lệ này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ thực hiện Điều lệ này.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ đề nghị Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, quyết định./.

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ

TÊN TIẾNG VIỆT:

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ

TÊN TIẾNG ANH:

COMMISSION FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER NO.1
PETROLEUM TESTING LABORATORY

ĐỊA ĐIỂM PTN:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.
Lô 2-3-6a KCN Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

MÃ SỐ: VILAS 028

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Thử nghiệm và đánh giá chất lượng, đặc tính kỹ thuật, an toàn của các sản phẩm xăng dầu khí theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức cá nhân.
- Đào tạo thử nghiệm viên, tham gia tư vấn xây dựng phòng thử nghiệm, tư vấn kỹ thuật theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.
- Tham gia nghiên cứu khoa học, xây dựng tiêu chuẩn, xây dựng phương pháp thử nghiệm, phương pháp đánh giá chất lượng các sản phẩm Xăng, Dầu, Khí hóa lỏng.
- Các lĩnh vực thử nghiệm bao gồm Xăng, Dầu Diesel, dầu FO, dầu Nhòn, Khí hóa lỏng và các sản phẩm liên quan khác.

DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

STT	Tên thiết bị	STT	Tên thiết bị
1	Máy đo trị số Octan	23	Thiết bị xác định nhiệt độ bốc hơi LPG và hàm lượng cặn cho LPG
2	Thiết bị chung cất tự động	24	Bộ dụng cụ xác định độ ăn mòn tấm đồng cho LPG
3	Thiết bị xác định áp suất hơi bão hòa	25	Thiết bị xác định hàm lượng nước tự do
4	Thiết bị xác định hàm lượng nhựa	26	Thiết bị chung cất ở áp suất thấp
5	Thiết bị xác định độ ổn định oxy hóa	27	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS (Xác định Fe, Mn, Pb, Ca, Mg, Zn)
6	Thiết bị kiểm tra ăn mòn đồng	28	Thiết bị đo điểm chớp cháy cốc hở
7	Bộ dụng cụ đo tỷ trọng	29	Thiết bị xác định Khối lượng riêng trong LPG
8	Thiết bị đo độ nhớt	30	Thiết bị xác định Hàm lượng nước vi lượng

STT	Tên thiết bị	STT	Tên thiết bị
9	Máy đo điểm chớp cháy cốc kín PMCC tự động	31	Thiết bị xác định hợp chất thơm đa vòng PAHs
10	Thiết bị đo nhiệt độ đông đặc	32	Thiết bị xác định độ tạo bọt trong dầu nhờn
11	Thiết bị xác định hàm lượng cặn Cacbon vi lượng	33	Thiết bị chưng cất tự động ở áp suất khí quyển
12	Lò nung	34	Thiết bị xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng
13	Máy đo nhiệt trị	35	Thiết bị xác định hàm lượng H2S
14	Thiết bị xác định Hydrocacbon thơm và Olefin	36	Thiết bị xác định hàm lượng CO2
16	Tủ sấy	37	Thiết bị đo hàm lượng tạp chất
18	Máy trị số xetan	38	Thiết bị đo điểm sương
19	Máy xác định hàm lượng lưu huỳnh tự động	39	Thiết bị đo nhiệt trị
20	Máy chuẩn độ điện thế tự động	40	Thiết bị xác định thành phần khí thiên nhiên
21	Máy sắc ký khí	41	Cân phân tích
22	Bộ dụng cụ xác định áp suất hơi của LPG		

DANH SÁCH NHÂN SỰ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năng lực chuyên môn	Thâm niên công tác		
				≤ 10 năm	≥ 10 năm	≥ 15 năm
1	Nguyễn Tuấn Tú	Trưởng phòng thử nghiệm	Kỹ sư Khoa học Môi trường			X
2	Dương Thị Thu Thảo	Thử nghiệm viên	Cử nhân khoa học ngành Sinh học			X
3	Chu Thị Hường	Thử nghiệm viên	Kỹ sư Thiết bị công nghệ Hóa học và Thực phẩm			X
4	Vương Hoàng Linh	Thử nghiệm viên	Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học		X	
5	Phạm Sơn Tùng	Thử nghiệm viên	Thạc sĩ kỹ thuật hoá học	X		

QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH CÁC BỘ NGÀNH

STT	Quyết định số	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
1	207/TĐC-HCHQ	19/01/2023	Bộ KHCHN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý; Không phá hủy; Vật liệu xây dựng; Điện - Điện tử; Hóa học; Sinh học Số đăng ký: 72/TN-TĐC
2	726/TĐC-HCHQ	06/03/2024	Bộ KHCHN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý Số đăng ký: 72/TN-TĐC
3	2113/QĐ-TĐC	16/11/2020	Bộ KHCHN - TĐC	Quyết định chỉ định Thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật dầu nhờn động cơ đốt trong phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2018/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN thử nghiệm sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm theo tiêu chuẩn quốc gia tương ứng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BKHCN ngày 15/11/2019
4	1547/QĐ-TĐC	22/09/2022	Bộ KHCHN - TĐC	Quyết định chỉ định thử nghiệm đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
5	298/QĐ-TĐC	21/02/2023	Bộ KHCHN - TĐC	Quyết định chỉ định thử nghiệm đối với sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học phù hợp với QCVN 1:2022/BKHCN
6	817/QĐ-VPCNCL	08/05/2023	Văn phòng công nhận chất lượng BoA	Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Xăng Dầu Khí) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 Lĩnh vực công nhận: Hóa Mã số: VILAS 028



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER NO.1
PETROLEUM TESTING LABORATORY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

HÓA

Chemical

Mã số

Accreditation No

VILAS 028

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)

TRẦN THỊ THU HÀ

Ngày/ Date of Issue: 08/05/2023 (Annex of decision: 817/QĐ-VPCNCL date 08/05/2023)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 06/05/2026

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 06/05/2011

Số: 817/ QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1 PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ

Phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép thử nghiệm kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 028**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 06 tháng 05 năm 2026 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



TRẦN THỊ THU HÀ



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số: 817/QĐ-VPCNCL ngày 08 tháng 05 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
Phòng thử nghiệm xăng dầu khí

Petroleum Testing Laboratory

Laboratory:

Quality Assurance and Testing Center No.1

Cơ quan chủ quản: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Organization: Directorate for Standards, Metrology and Quality

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

Người quản lý/ Kim Đức Thu

Laboratory management: Kim Duc Thu

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ <i>Name</i>	Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>
1.	Nguyễn Tuấn Tú	Các phép thử được công nhận/ <i>All accredited tests</i>
2.	Vương Hoàng Linh	

Số hiệu/ *Code:* VILAS 028

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* 06/05/2026

Địa chỉ/ *Address:* Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Địa điểm/ *Location:* No.8 Hoang Quoc Viet, Ward Nghia Do, District Cau giay, City Ha Noi

Điện thoại/ *Tel:* : +84 024 37912671

Fax: +84 024 38361199

E-mail:

testlab6@quatest1.com.vn

Website : www.quatest1.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ
PETROLEUM TESTING LABORATORY

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Xăng <i>Gasoline</i>	Xác định trị số Octan nghiên cứu cho nhiên liệu động cơ đánh lửa <i>Determination of research octane number for spark-ignition engine fuel</i>	(40 ~ 120) RON	TCVN 2703:2020 (ASTM D 2699-19)
2.		Xác định hàm lượng chì Phương pháp hấp thụ nguyên tử <i>Determination of Lead content Atomic absorption spectroscopy method</i>	1 g/L	TCVN 7143:2020 (ASTM D 3237-17)
3.		Xác định thành phần cất ở áp suất khí quyển <i>Determination of distillation at atmospheric pressure</i>	Đến/ to 400 °C	TCVN 2698:2020 (ASTM D 86-20a)
4.		Xác định độ ăn mòn đồng Phép thử tấm đồng <i>Determination of corrosiveness to copper Copper strip test</i>	1a - 4 c	TCVN 2694:2007 (ASTM D 130-04 ^{e1})
5.		Xác định hàm lượng nhựa Phương pháp bay hơi <i>Determination of gum content Jet evaporation method</i>	0,2 mg/100 mL	TCVN 6593:2020 (ASTM D 381-19)
6.		Xác định độ ổn định oxy hóa <i>Determination of oxidation stability</i>	-	TCVN 6778:2006 (ASTM D 525-05)
7.		Xác định tổng lưu huỳnh Phương pháp huỳnh quang tử ngoại <i>Determination of Total Sulfur Ultraviolet Fluorescence method</i>	1,0 mg/kg	TCVN 7760:2020 (ASTM D 5453-19a)
8.		Xác định áp suất hơi bão hòa <i>Determination of vapor pressure</i>	35 kPa ~ 100 kPa (5 psi ~ 15 psi)	TCVN 7023:2007 (ASTM D 4953-06)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ
PETROLEUM TESTING LABORATORY

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Xăng Gasoline	Xác định Benzen, Toluen, Ethylbenzen, p/m-xylene, o-xylene, chất thơm C9 và nặng hơn, và tổng các chất thơm Phương pháp sắc ký khí <i>Determination of benzene, toluene, ethylbenzene, p/m-xylene, o-xylene, C9 and heavier aromatics, and total aromatics in finished gasoline Gas chromatography method</i>	Benzen: 0.1%V Toluen: 0.5%V Ethylbenzen: 0.5%V o-Xylene: 0.3%V C9 và các chất nặng hơn: 0.5%V Tổng hydrocacbon thơm: 0.6%V	TCVN 3166:2019 (ASTM D 5580-15)
10.		Xác định các loại Hydrocacbon, Olefin Phương pháp hấp phụ chỉ thị huỳnh quang <i>Determination of Hydrocarbon, Olefine types Fluorescent indicator adsorption method</i>	Hydrocacbon thơm: 5,0%V Olefin: 5,0%V Hydrocacbon no: 5,0%V	TCVN 7330:2011 (ASTM D 1319-10)
11.		Xác định hợp chất MTBE, ETBE, TAME, DIPE, rượu tert-Amyl và rượu từ C1 đến C4 Phương pháp sắc ký <i>Determination of MTBE, ETBE, TAME, DIPE, tertiary-Amyl alcohol and C1 to C4 in gasoline Gas chromatography method</i>	Hàm lượng oxy tổng: 0.2%wt Methanol: 0.2%V Ethanol: 0.2%V MTBE: 0.2%V Ketone (Acetone): 0.2%V Ete (C _{≥5}): 0.2%V Iso-Propyl ancol: 0.2%V Iso-Butyl ancol: 0.2%V Tert-butyl ancol: 0.2%V	TCVN 7332:2013 (ASTM D 4815-09)
12.		Xác định KLR, KLR tương đối hoặc KLR API Phương pháp tỷ trọng kế <i>Determination of density, relative density (specific gravity), or API gravity Hydrometer method</i>	(600 ~ 1100) kg/m ³	TCVN 6594:2007 (ASTM D 1298- 05)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ
PETROLEUM TESTING LABORATORY

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
13.	Xăng Gasoline	Xác định hàm lượng Fe Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử <i>Determination of Fe content Atomic absorption spectroscopy method</i>	0,5 mg/L	TN6/PPTNB- X/01/2023 (Ref TCVN 7331:2008) (ASTM D 3831-06)
14.		Xác định hàm lượng Mn Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử <i>Determination of Manganese content Atomic absorption spectroscopy method</i>	0,25 mg/L	TCVN 7331:2008 (ASTM D 3831-06)
15.		Xác định nước tự do và tạp chất dạng hạt <i>Determination of free water and particulate contamination</i>	-	TCVN 7759:2008 (ASTM D 4176- 04 ^{e1})
16.	Dầu DO Diesel oil	Xác định tổng lưu huỳnh Phương pháp huỳnh quang tử ngoại <i>Determination of total sulfur Ultraviolet fluorescence method</i>	1,0 mg/kg	TCVN 7760:2020 ASTM D 5453-19a
17.		Xác định trị số xetan <i>Determination of Cetane Number</i>	Đến/ to 100	TCVN 7630:2013 (ASTM D 613-10a)
18.		Xác định chỉ số xetan <i>Determination of cetane index</i>	-	TCVN 3180:2013 (ASTM D 4737-10)
19.		Xác định thành phần cất ở áp suất khí quyển <i>Determination of distillation at atmospheric pressure</i>	Đến/to 400°C	TCVN 2698:2020 (ASTM D 86-20a)
20.		Xác định điểm chớp cháy bằng thiết bị thử cốc kín pensky - martens <i>Determination of flash point by Pensky - Martens closed cup tester</i>	(40 ~ 360)°C	TCVN 2693:2007 (ASTM D 93-06)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ
PETROLEUM TESTING LABORATORY

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
21.	Dầu DO <i>Diesel oil</i>	Xác định độ nhớt động học (và tính toán độ nhớt động lực) <i>Determination of kinematic viscosity of transparent and opaque liquids (and calculation of dynamic viscosity)</i>	(0,2 ~ 300000) mm ² /s	TCVN 3171:2011 (ASTM D 445-11)
22.		Xác định cặn cacbon Phương pháp vi lượng <i>Determination of carbon residue (Micro method)</i>	Đến/ to 30% m/m	TCVN 7865:2008 (ASTM D 4530-06 ^{e1})
23.		Xác định điểm đông đặc <i>Determination of pour point</i>		TCVN 3753:2011 (ASTM D 97-11)
24.		Xác định hàm lượng tro <i>Determination of ash</i>	(0,001 ~ 0,180) % wt	TCVN 2690:2011 (ASTM D 482-07)
25.		Xác định nước Phương pháp chuẩn độ điện lượng Karl Fischer <i>Determination of water Ccoulometric Karl Fischer titration method</i>	(10 ~ 25000) mg/kg	TCVN 3182:2013 (ASTM D 6304-07)
26.		Xác định tạp chất dạng hạt Phương pháp lọc trong phòng thí nghiệm <i>Determination of particulate contamination Laboratory filtration method</i>	(0 ~ 25) g/m ³	TCVN 2706:2008 (ASTM D 6217-03 ^{e1})
27.		Xác định độ ăn mòn đồng Phương pháp phép thử tấm đồng <i>Determination of corrosiveness to copper Copper strip test method</i>	1a - 4c	TCVN 2694:2007 (ASTM D 130-04 ^{e1})

HỌ
V.
C.
CH
B.

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ
PETROLEUM TESTING LABORATORY

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
28.	Dầu DO <i>Diesel oil</i>	Xác định khối lượng riêng, khối lượng riêng tương đối, hoặc khối lượng API Phương pháp tỷ trọng kế <i>Determination of density, relative density (specific gravity), or API gravity</i> <i>Hydrometer method</i>	(600 ~ 1100) kg/m ³	TCVN 6594:2007 (ASTM D 1298-05)
29.		Xác định các loại hydrocacbon thơm Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với detector chỉ số khúc xạ. <i>Determination of Aromatic Hydrocarbon Types</i> <i>High Performance Liquid Chromatography Method with Refractive Index Detection</i>	Hàm lượng PAHs: 0.5%wt Hàm lượng DAHs:0.5%wt Hàm lượng T+AHs:0.5%wt	TCVN 11589:2016 (ASTM D 6591-11)
30.		Xác định nước tự do và tạp chất dạng hạt Phương pháp quan sát bằng mắt thường <i>Determination of free water and particulate contamination</i> <i>Visual inspection method</i>	-	TCVN 7759:2008 (ASTM D 4176-04 ^{e1})
31.	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) <i>Liquefied Petroleum Gas (LPG)</i>	Xác định áp suất hơi <i>Determination of gage vapor pressure</i>	≥ 37,8°C	TCVN 8356:2010 (ASTM D 1267-07)
32.		Xác định lượng cặn <i>Determination of residues</i>	-	TCVN 3165:2008 (ASTM D 2158-05)
33.		Xác định độ ăn mòn tấm đồng <i>Determination of copper strip corrosion</i>	-	TCVN 8359:2010 (ASTM D 1838-07)
34.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng Phương pháp huỳnh quang tử ngoại <i>Determination of Total Volatile Sulfur</i> <i>Ultraviolet Fluorescence method</i>	1,0 mg/kg	ASTM D 6667-21

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ
PETROLEUM TESTING LABORATORY

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
35.	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) <i>Liquefied Petroleum Gas (LPG)</i>	Xác định hàm lượng khối lượng riêng tương đối và áp suất hơi bão hòa. Phương pháp tính toán các chỉ tiêu vật lý từ phân tích thành phần theo ASTM D 2163. <i>Determination of relative density and vapor pressure. Standard practice for calculation of certain physical properties from compositional analysis based on ASTM D 2163</i>	-	TCVN 8362:2010 (ASTM D 2598-07)
36.		Xác định hydro sulfua Phương pháp chì Axetat <i>Determination of hydrogen Lead acetate method</i>	4 mg/m ³	TCVN 8361:2010 (ASTM D 2420-07)
37.		Xác định độ bay hơi <i>Determination of volatility</i>	-	TCVN 8358:2010 (ASTM D 1837-07)
38.		Xác định hàm lượng nước tự do trong khí dầu mỏ hóa lỏng Phương pháp quan sát <i>Determination of free water Visual inspection method</i>	-	EN 15469:2007
39.		Xác định Hydrocacbon Phương pháp sắc ký khí <i>Determination of hydrocarbons Gas chromatography method</i>	Hàm lượng Olefin: 0.2%V Pentan và các chất nặng hơn: 0.2% V Butadien (1,3-Butadien): 0.05% mol	TCVN 8360:2010 (ASTM D 2163-07)
40.	Dầu nhờn <i>Lubricating oil</i>	Xác định độ nhớt động học (và tính toán độ nhớt động lực) <i>Determination of kinematic viscosity (and calculation of dynamic viscosity)</i>	(0,2 ~ 300000) mm ² /s	TCVN 3171:2011 (ASTM D 445-11)
41.		Xác định chỉ số độ nhớt từ độ nhớt động học tại 40 °C và 100 °C <i>Determination of calculating viscosity index at 40 °C and 100 °C</i>	-	TCVN 6019:2010 (ASTM D 2270-04)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ
PETROLEUM TESTING LABORATORY

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
42.	Dầu nhờn <i>Lubricating oil</i>	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland <i>Determination of flash and fire points by Cleveland open cup tester</i>	(79 ~ 400)°C	TCVN 7498:2005 (ASTM D 92-02b)
43.		Xác định trị số kiềm Phương pháp chuẩn độ điện thế bằng axit Pecloric <i>Determination of Base number Potentiometric pecloric acid titration method</i>	1,0 mg KOH/g	TCVN 3167:2008 (ASTM D 2896- 07a)
44.		Xác định độ ăn mòn đồng Phương pháp thử tấm đồng <i>Determination of corrosiveness to copper Copper strip method</i>	1a - 4 c	TCVN 2694:2007 (ASTM D 130-04 ^{e1})
45.		Xác định hàm lượng nước Phương pháp chưng cất <i>Determination of water Distillation method</i>	0,05 % V	TCVN 2692:2007 (ASTM D 95-05 ^{e1})
46.		Xác định Canxi, magiê, kẽm Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử <i>Determination of Calcium, Magnesium, and Zinc content i Atomic Absorption Spectrometry method</i>	Zn: (0,002 ~ 0,2) % wt Ca, Mg: (0,002 ~ 0,3) % wt	ASTM D 4628-16
47.		Xác định cặn cơ học Phương pháp màng lọc <i>Determination of Pentane Insolubles Membrane Filtration method</i>	-	ASTM D 4055-04 (2019)
48.		Xác định tro sunphat <i>Determination of sulphated ash</i>	0,005 % wt	TCVN 2689:2007 (ASTM D 874-06)
49.		Xác định các đặc tính tạo bọt <i>Determination of foaming characteristics</i>	10 mL	TCVN 12915:2020 (ASTM D 892-18)

Chú thích/Note:

- TN6/PPTNB-X/01/2023: phương pháp phát triển bởi PTN/ *Laboratory-developed method*

Q